

TIẾNG HÁT CON TÀU

(CHẾ LAN VIÊN)

I – BÀI TẬP

1. Giải thích nhan đề bài thơ và bốn câu thơ đề từ.

2. Phân tích và bình luận khổ thơ sau :

*Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương ?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn !*

3. Phân tích cách sử dụng hình ảnh so sánh và ý nghĩa của những hình ảnh ấy trong khổ thơ sau :

*Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa,
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.*

4. Anh (chị) hiểu thế nào về những câu thơ sau :

*Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ,
Mười năm chiến tranh vàng ta đau trong lửa,
Nay trở về, ta lấy lại vàng ta.*

5. Phân tích ý nghĩa của hình ảnh con tàu trong bài thơ. Ở phần đầu và phần cuối, hình ảnh ấy có gì khác nhau ?

6. Bài tập nâng cao, sách giáo khoa, trang 109.

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. "Tiếng hát con tàu" là hình ảnh biểu tượng nhân hoá. "Con tàu" là biểu tượng cho tâm hồn nhà thơ với khát vọng ra đi, đến với cuộc sống rộng lớn của đất nước, nhân dân. Còn "tiếng hát" là niềm hân hoan, say sưa của tâm hồn ấy khi tìm được hướng đi và đang trên hành trình đến với nhân dân, đất nước.

Câu thơ đầu cho thấy rõ Tây Bắc cũng chỉ mang ý nghĩa tượng trưng cho đất nước, cho mọi miền của Tổ quốc đang mời gọi : "Tây Bắc ư ? Có riêng gì Tây Bắc". Những câu tiếp sau cho thấy cảm hứng bao trùm của bài thơ. Con tàu là hoá thân của tâm hồn nhà thơ, của niềm khao khát chân thành được đến với mọi miền xa của Tổ quốc đang trong không khí sôi động của công cuộc dựng xây. Mặc dù có thể chưa đến được với Tây Bắc, với những nơi ấy, nhưng nhà thơ có thể gặp được Tây Bắc ở ngay trong lòng mình, khi cõi lòng đã hoà cùng một nhịp với cuộc sống của đất nước đang hồi sinh : "Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu".

2. Khổ thơ này là sự đúc kết một chân lí đời sống – ở đây là đời sống tâm hồn – qua sự trải nghiệm của nhà thơ.

Hai câu đầu gọi lại kí ức về những nơi, những vùng đất mà chủ thể trữ tình đã từng sống, từng đi qua, nay hiện ra trong nỗi nhớ. "Bản sương giăng", "đèo mây phủ" là những hình ảnh quen thuộc với người cán bộ kháng chiến, bởi ai trong số họ chẳng đã từng sống ở những chiến khu, nơi rừng núi, chẳng đã từng được sự giúp đỡ, che chở của đồng bào ở những bản làng xa xôi. "Sương giăng", "mây phủ" vừa là hình ảnh thực, nhưng cũng là hình ảnh được gọi lên trong màn sương của kỉ niệm, của nỗi nhớ thương, nên càng đẹp.

Từ việc gọi lại những hình ảnh về những nơi từng gắn bó, yêu thương, tác giả đã chiêm nghiệm và khái quát một chân lí sâu sắc : "Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở - Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn !". Hai câu thơ đã phát hiện một quy luật của đời sống tâm hồn con người : Những nơi chúng ta từng sống, chỉ khi đã qua rồi, đã rời xa, thì mới thấy hết sự gắn bó với nó và mảnh đất ấy đã trở thành một phần trong kỉ niệm, một phần của tâm hồn mình. Nhìn rộng hơn, câu thơ còn nói được về mối quan hệ giữa tâm hồn và ngoại giới, chủ thể và khách thể. Tâm hồn con người nếu không hướng ra với cuộc đời, chỉ khép kín trong thế giới riêng mình thì sẽ có nguy cơ nghèo nàn đi. Nó chỉ có thể được làm phong phú, giàu có hơn bằng chính cuộc sống rộng lớn ngoài mình.

3. Để nói lên ý nghĩa sâu xa và niềm hạnh phúc lớn lao của việc trở về với nhân dân, tác giả đã dùng liên tiếp năm hình ảnh so sánh trong bốn câu thơ. Những hình ảnh này đều lấy từ đời sống thiên nhiên và con người, rất bình dị và gần gũi.

– Về với nhân dân là về với những gì thân thuộc, gần gũi nhất, về với niềm vui và hạnh phúc trong khao khát chờ mong để được tiếp thêm nguồn sinh lực, được hồi sinh như : *nai về suối cũ – cỏ đón giêng hai – chim én gặp mùa.*

– Về với nhân dân là về với nguồn nuôi dưỡng cho sự sống : "Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa" ; về với sự chở che, đùm bọc, cứu mang : "Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa".

– Những so sánh trùng điệp trong một khổ thơ có tác dụng khắc sâu ý tưởng về tầm quan trọng của việc trở về với nhân dân. Các so sánh ấy tuy cùng một ý nghĩa, nhưng lại khác nhau về cách diễn đạt và phong phú về loại hình ảnh, nên không trùng lặp mà lại tạo ra sự đa dạng, gây được hứng thú thẩm mĩ mới mẻ. Chẳng hạn, cũng là về với nhân dân nhưng tác giả sử dụng nhiều động từ với sắc thái khác nhau, phù hợp với từng đối tượng so sánh : *nai về suối cũ, cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa, đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa*.

4. Những câu thơ của Chế Lan Viên nói về sự hồi sinh của hồn thơ mình sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tây Bắc, hay rộng hơn là Tổ quốc, nhân dân, là nguồn sinh thành, nuôi dưỡng cho hồn thơ của tác giả. Hồn thơ ấy được ví như chất vàng đã trải qua mười năm thử lửa trong chiến tranh, nay đã được hồi sinh và lại dào dạt nguồn cảm hứng sáng tạo mới : "Lấy cả những cơn mơ ! Ai bảo con tàu không mộng tưởng ? - Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng - Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống - Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân". Đây cũng là con đường chung của nhiều nhà thơ thuộc thế hệ thơ mới đã đi qua để tìm lại được và đổi mới hồn thơ của mình (như Huy Cận, Xuân Diệu, Tế Hanh, Anh Thơ,...).

5. Con tàu trong bài thơ là một hình ảnh biểu tượng. Đó là biểu tượng cho cuộc lên đường đến những miền xa của Tổ quốc, đến với đời sống rộng lớn của nhân dân.

Trong phần đầu bài thơ, hình ảnh con tàu là biểu tượng cho lời mời gọi, giục giã lên đường : "Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chăng ?", "Ngoài cửa ô ? Tàu đói những vành trăng". Còn ở phần cuối bài thơ, con tàu trở thành biểu tượng của chính tâm hồn nhà thơ đang náo nức say sưa trong hành trình tâm tưởng đến với Tây Bắc, đến với nhân dân, đất nước. Đó là con tàu tâm tưởng của tác giả ("Khi lòng ta đã hoá những con tàu") trong niềm hạnh phúc được hoà mình vào giữa cuộc đời rộng lớn của đất nước và tìm thấy chân trời nghệ thuật của mình.

6. Nghệ thuật sáng tạo hình ảnh là một thành công nổi bật của Chế Lan Viên trong bài thơ *Tiếng hát con tàu*, góp phần quan trọng tạo nên sức thu hút của bài thơ. Có thể nêu những điểm chính trong nghệ thuật sáng tạo hình ảnh ở bài thơ như sau.

– Sự phong phú, đa dạng của các loại hình ảnh : hình ảnh thực với những chi tiết cụ thể (các hình ảnh về "người mẹ", "người anh du kích", "thằng em liên lạc" trong đoạn hồi tưởng về nhân dân), hình ảnh biểu tượng ("con tàu", "tiếng hát con tàu", "vầng trăng", "mặt hồng em", "suối lớn mùa xuân", "chín trái đầu xuân",...), hình ảnh tưởng tượng có màu sắc ảo hoá (con tàu "mộng tưởng" mỗi đêm khuya lại "uống một vầng trăng",...), còn tâm hồn nhà thơ thì : "Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống - Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân".

– Sử dụng đa dạng các phương thức sáng tạo hình ảnh : tả thực, gợi tả, đặc biệt là phép so sánh rất phong phú. Phổ biến là cách so sánh một điều khái quát hoặc trừu tượng với những sự vật, hình ảnh cụ thể trong đời sống, trong thiên nhiên ("Ôi kháng chiến ! Mười năm qua như ngọn lửa", "gặp lại nhân dân như nai về suối cũ", "Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa",...).

– Hình ảnh thường được tổ chức thành từng chuỗi liên kết, tiếp nối, bổ sung cho nhau để phát triển, khắc sâu ý tưởng (những hình ảnh so sánh trong khổ thơ từ câu 17 đến 20 ; các hình ảnh về nhân dân trong đoạn thơ từ câu 21 đến 32, hình ảnh con tàu trong phần ba của bài thơ,...).